

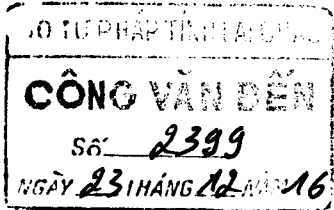
Số: **68** /2016/NQ-HĐND

Lai Châu, ngày 10 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Phát triển du lịch Lai Châu giai đoạn 2016 - 2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ TƯ**



Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch; Nghị định số 180/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 92/2007/NĐ-CP;

Xét Tờ trình số 2308/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Nghị quyết phát triển du lịch Lai Châu giai đoạn 2016 - 2020; Báo cáo thẩm tra số 499/BC-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2016 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Nghị quyết phát triển du lịch Lai Châu giai đoạn 2016 - 2020, như sau:

1. Mục tiêu, chỉ tiêu

a) Mục tiêu chung

Tập trung phát triển du lịch dựa trên tiềm năng, thế mạnh của địa phương với các loại hình du lịch như: Du lịch cộng đồng gắn với phát huy giá trị văn hóa di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh; du lịch sinh thái gắn với nông nghiệp; nâng cao chất lượng dịch vụ; kết nối sản phẩm nội vùng, liên vùng; đưa Lai Châu trở thành điểm đến hấp dẫn của khu vực Tây Bắc. Phấn đấu đến năm 2020, du lịch Lai Châu trở thành ngành kinh tế có vị trí quan trọng trong cơ cấu khối dịch vụ.

b) Chỉ tiêu

- Khách du lịch: Tốc độ tăng trưởng khách du lịch bình quân giai đoạn 2016-2020: 12% - 13%/năm (trong đó khách quốc tế: 12,3%/năm).

- Cơ sở lưu trú du lịch: Năm 2020 có 110 cơ sở lưu trú du lịch với khoảng 2.200 phòng, trong đó có: 02 khách sạn 03 sao, 19 khách sạn 01 - 02 sao và 89 nhà nghỉ, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê, Homestays (ở tại nhà người dân

địa phương khi đi du lịch); thời gian lưu trú của khách du lịch trung bình: 1,8 - 02 ngày/người.

- Nguồn nhân lực du lịch: Năm 2020 có 5.500 lao động (trong đó: 1.500 lao động trực tiếp và khoảng 4.000 lao động gián tiếp).

- Doanh thu từ khách du lịch: Năm 2020 đạt 632 tỷ đồng.

(Có phụ biểu số 01 kèm theo)

2. Nhiệm vụ

a) Phát triển thị trường du lịch, dịch vụ và sản phẩm du lịch, tuyến du lịch

- Thị trường du lịch:

+ Khách du lịch nội địa: Phát triển thị trường mục tiêu như Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh đồng bằng Trung du và miền núi Bắc Bộ; từng bước tiếp cận thị trường mới: các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên.

+ Khách du lịch quốc tế: Khách Trung quốc, khách Châu Âu (trong đó tập trung khách thuộc loại hình du lịch sinh thái, tìm hiểu giá trị văn hóa truyền thống: Pháp; Anh; Đức; Nga...), các nước ASEAN; khách Đông Bắc Á (Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan...).

- Ưu tiên đầu tư phát triển sản phẩm du lịch chủ lực:

+ Sản phẩm du lịch cộng đồng gắn với phát huy giá trị di tích lịch sử, văn hóa danh lam thắng cảnh tại khu vực thành phố Lai Châu, huyện Phong Thổ, huyện Tam Đường.

+ Sản phẩm du lịch sinh thái gắn với nông nghiệp với các sản phẩm từ chè, cây ăn quả, làng nghề tại khu vực huyện Tam Đường, huyện Tân Uyên, huyện Than Uyên, huyện Sìn Hồ.

+ Sản phẩm du lịch chợ phiên tại khu vực thành phố Lai Châu, huyện Phong Thổ, thị trấn Sìn Hồ với điểm nhấn là sắc màu trang phục truyền thống, văn hóa ẩm thực và sản vật vùng cao.

- Tiếp tục đầu tư khai thác phát triển sản phẩm du lịch hiện có trên địa bàn tỉnh:

+ Thành phố Lai Châu: Đầu tư xây dựng thành phố Lai Châu trở thành khu trung tâm du lịch, dịch vụ của tỉnh trên cơ sở phát huy những tiềm năng lợi thế từ quần thể danh thắng động Pù Samcap, khu hang động Gia Khâu gắn với bản văn hóa Gia Khâu, đền thờ Vua Lê Thái Tổ, vùng nguyên liệu chè, hệ thống các trang trại và cảnh quan thành phố Lai Châu. Khu du lịch tâm linh và khu lâm viên thành phố. Quy hoạch xây dựng lại chợ phiên San Thàng thành điểm tham quan, tìm hiểu văn hóa đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó chú trọng việc phân khu như: Ẩm thực, hàng thổ cẩm, sản vật địa phương, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, trò chơi truyền thống dân tộc thiểu số...

+ Huyện Phong Thổ: Đầu tư xây dựng bản văn hóa du lịch dân tộc Thái trắng tại Mường So. Tiếp tục khai thác và đầu tư phát triển du lịch cộng đồng tại: bản Vàng Pheo, bản Sìn Súi Hồ. Xây dựng sản phẩm du lịch theo chuyên đề: Bảo tồn các giá trị văn hóa lễ hội truyền thống dân gian của dân tộc Thái trắng (Kin Lầu Khâu Mầu, Then Kim Pang; Nàng Han...). Xây dựng sản phẩm du lịch chinh phục đỉnh cao Bạch Mộc Nương Tử; tham quan mua sắm tại cửa khẩu Ma Lù Thàng và sản phẩm nông nghiệp nuôi cá nước lạnh... Xây dựng chợ phiên

Dào San thành điểm tham quan tìm hiểu văn hóa đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó chú trọng việc phân khu như: Âm thực, hàng thổ cẩm, sản vật địa phương, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, trò chơi truyền thống dân tộc thiểu số.

+ Huyện Tam Đường: Tiếp tục khai thác và đầu tư phát triển du lịch cộng đồng tại: Bản Hòn, bản Sì Thâu Chải, bản Nà Luông. Xây dựng sản phẩm chinh phục đỉnh cao Putaleng; du lịch tham quan danh lam thắng cảnh tại động Tiên Sơn, thác Tác Tình, đèo Hoàng Liên Sơn... Đầu tư khai thác phát triển sản phẩm sinh thái gắn với nông nghiệp trong đó tập trung vào các sản phẩm từ chè (bản Bo, bản Giang...), cây ăn quả (Nùng Nàng, Hồ Thâu, Giang Ma..), nuôi cá nước lạnh khu vực xã Sơn Bình.

+ Huyện Tân Uyên: Đầu tư phát triển du lịch sinh thái kết hợp chữa bệnh và tham quan danh lam thắng cảnh tại khu vực Phiêng Phát, xã Trung Đồng. Đầu tư khai thác phát triển sản phẩm sinh thái gắn với nông nghiệp, các vùng nguyên liệu chè...

+ Huyện Than Uyên: Phát triển sản phẩm từ nghề thủ công truyền thống (Hợp tác xã Nà Cang); du lịch tham quan di tích lịch sử tại Bản Luót và sản phẩm du lịch sinh thái lòng hồ tập trung tại Bản Chát...

+ Huyện Nậm Nhùn: Phát triển du lịch sinh thái vùng lòng hồ, du lịch lịch sử văn hóa gắn với tâm linh (Đền thờ Vua Lê Thái Tổ) và du lịch sinh thái gắn cộng đồng tại Pú Dao...

+ Huyện Sìn Hồ: Phát triển sản phẩm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, chữa bệnh tại cao nguyên Sìn Hồ (chú trọng phát triển dịch vụ tắm lá thuốc của người Dao) gắn với vùng trồng cây dược liệu, cây công nghiệp, cây ăn quả ôn đới, vùng nguyên liệu chè và khu vực núi Đá Ô... Xây dựng sản phẩm du lịch sinh thái và văn hóa vùng lòng hồ thủy điện Sơn La; du lịch bản sắc văn hóa dân tộc.

+ Huyện Mường Tè: Phát triển sản phẩm du lịch sinh thái gắn văn hóa cộng đồng vùng lòng hồ thủy điện Lai Châu; du lịch tâm linh (Hòn Đá Trắng); du lịch nông nghiệp gắn với vùng trồng cây dược liệu...

- Phát triển dịch vụ:

+ Phát triển các dịch vụ, lưu trú, khu vui chơi giải trí chất lượng cao tập trung tại khu vực thành phố Lai Châu.

+ Khôi phục, phát triển làng nghề truyền thống làm cơ sở sản xuất đồ lưu niệm, quà tặng như: nghề dệt (dân tộc Lự, Thái); rèn, chạm khắc bạc (dân tộc Mông, Dao); nghề thêu, trồng hoa địa lan (dân tộc Mông); nghề miến dong (bản Hoa Vân – Bình Lự); nghề làm bánh (dân tộc Giáy); nghề nấu rượu (Sùng Phài); mây tre đan (hợp tác xã thủ công mỹ nghệ Bum Nưa)... từng bước xây dựng thương hiệu từ các sản phẩm làng nghề nhằm đáp ứng nhu cầu mua sắm, tìm hiểu của du khách.

+ Xây dựng cửa hàng giới thiệu, bán quà lưu niệm, quà tặng, sản phẩm nông nghiệp và các sản vật đặc trưng của địa phương tại trung tâm thương mại tỉnh.

+ Đa dạng dịch vụ ăn uống, trong đó ưu tiên phát triển ẩm thực truyền thống của dân tộc Thái (thành phố Lai Châu, bản Vàng Pheo); dân tộc Lự (Bản Hòn); Dân tộc Mông (bản Sin Súi Hồ, bản Gia Khâu); Dân tộc Giáy (bản San Thàng)...; các loại hình lễ hành, vận chuyển và nâng cao chất lượng dịch vụ như: Cho thuê xe ô tô, xe máy, xe đạp...

- Phát triển tuyến du lịch nội tỉnh:

+ Tiếp tục khai thác 02 tuyến du lịch đã được UBND tỉnh Lai Châu công nhận tại Quyết định số 714/QĐUBND, ngày 02 tháng 7 năm 2014: Tuyến 01: Thành phố Lai Châu - Sìn Hồ - Nậm Nhùn - Phong Thổ. Tuyến 02: Tam Đường - thành phố Lai Châu - Phong Thổ.

+ Phát triển tuyến du lịch mới: Tuyến 03: Thành phố Lai Châu - Nùng Nàng (Tam Đường) - Nậm Tăm - Xà Dè Phìn - thị trấn Sìn Hồ. Tuyến 04: Thành phố Lai Châu - Tam Đường - Tân Uyên - Than Uyên. Tuyến 05: Thành phố Lai Châu - Phong Thổ - Nậm Nhùn - Mường Tè.

- Phát triển tuyến du lịch liên tỉnh:

+ Lai Châu - Yên Bái - Phú Thọ - Hà Nội và ngược lại.

+ Lai Châu - Lào Cai - Hà Nội và ngược lại.

+ Lai Châu - Điện Biên - Sơn La - Hòa Bình - Hà Nội và ngược lại.

+ Tuyến du lịch Sông Đà: Sơn La - Lai Châu - Điện Biên.

- Phát triển tuyến du lịch quốc tế:

+ Lai Châu - Ma Lò Thành (Phong Thổ) - Côn Minh (Trung Quốc).

+ Lai Châu - Phong Thổ - Mường Lay - Điện Biên - Tây Trang.

+ Lai Châu - Sa Pa - Hà Khẩu - Vân Nam (Trung Quốc).

b) Phát triển nguồn nhân lực du lịch

Tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cán bộ quản lý Nhà nước về du lịch: 150 lượt người; bồi dưỡng kiến thức về du lịch cộng đồng quan tâm phát triển đội ngũ nghệ nhân: 240 lượt người; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động tại các đơn vị kinh doanh du lịch (*số lượng theo nhu cầu doanh nghiệp*); Tập huấn đội ngũ hướng dẫn viên thuyết minh viên du lịch: 120 lượt người.

c) Xúc tiến, quảng bá du lịch

- Tiếp tục hoàn thiện các công cụ quảng bá (*in các ấn phẩm và băng đĩa hình..*). Chú trọng đến chất lượng các hình thức quảng bá như các ấn phẩm, tác phẩm, phóng sự...

- Tham gia, tổ chức các sự kiện, hội nghị xúc tiến đầu tư du lịch và các hội chợ như: năm du lịch quốc gia, Hội chợ Tây Bắc, Hội chợ du lịch quốc tế Hà Nội (VITM), Hội chợ du lịch quốc tế thành phố Hồ Chí Minh (ITE), Liên hoan làng nghề Hà Nội...

- Quảng bá trên hệ thống các trang mạng du lịch trong nước và quốc tế (website TripAdvisor, Agoda); xây dựng biển quảng cáo tầm lớn...

d) Liên kết phát triển du lịch

- Xây dựng các chương trình, kế hoạch liên kết giữa các tỉnh, vùng, khu vực 8 tỉnh Tây Bắc mở rộng để phát huy lợi thế và đặc điểm tài nguyên tạo ra sản phẩm du lịch đa dạng, phong phú; xây dựng các tour tham quan gắn với quảng bá giới thiệu sản phẩm; hình thành các tour du lịch liên hoàn giữa các vùng du lịch trọng điểm, các tỉnh trong khu vực Tây Bắc.

- Liên kết hợp tác phát triển du lịch giữa các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh. Phối hợp với các tỉnh thành, các đoàn Famtrip và Mediatrip khảo sát các tuyến, điểm du lịch Lai Châu...

- Thúc đẩy hợp tác phát triển du lịch quốc tế giữa Lai Châu với du lịch tỉnh Vân Nam (Châu Hồng Hà, Kim Bình) - Trung Quốc bằng các hình thức trao đổi, hỗ trợ, phối hợp đầu tư... Xây dựng quảng bá các sản phẩm du lịch.

đ) Quy hoạch các khu du lịch và đầu tư xây dựng hạ tầng du lịch

- Quy hoạch chi tiết các khu du lịch: Cao nguyên Sìn Hồ; Sìn Súi Hồ; Thác Tác Tình; Mường So; đèo Hoàng Liên Sơn.

- Đầu tư xây dựng hạ tầng du lịch:

+ Đầu tư nâng cấp tuyến du lịch: Đường Thèn Sìn đi Sìn Súi Hồ, đường thị trấn Tam Đường đi Sìn Thâu Chải, đường vành đai khu vực cửa khẩu...

+ Đầu tư các khu du lịch cao nguyên Sìn Hồ, điểm du lịch: Thác Tác Tình (Tam Đường); Sìn Súi Hồ; Suối nước nóng Vàng Pó; Mường So; cửa khẩu Ma Lù Thàng (Phong Thổ); nước nóng Phiêng Phát (Tân Uyên); bản văn hóa cộng đồng Gia Khâu; chợ San Thàng, thị trấn Sìn Hồ, Đào San.

+ Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch: Xây dựng các trạm dừng chân trên các tuyến du lịch, nhà vệ sinh công cộng, bãi đỗ xe, biển báo, biển chỉ đường, hỗ trợ trang thiết bị phục vụ du lịch tại các điểm du lịch: bản Sìn Súi Hồ; bản Hôn; bản Hồ Thâu; đèo Hoàng Liên Sơn...

3. Giải pháp

a) Tăng cường công tác chỉ đạo, nâng cao năng lực quản lý của các cấp chính quyền về phát triển du lịch

Tiếp tục đổi mới, nâng cao năng lực chỉ đạo, quản lý, điều hành của các cấp chính quyền; tăng cường công tác phối hợp kết hợp giữa các cấp, các ngành trong việc cụ thể hóa thực hiện nhiệm vụ phát triển du lịch.

b) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của xã hội về phát triển du lịch; tăng cường công tác xúc tiến, quảng bá và hợp tác phát triển du lịch

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách phát triển du lịch của Đảng, Nhà nước trên các phương tiện thông tin đại chúng, cổ động trực quan. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn, vận động Nhân dân tự giác, tích cực tham gia bảo tồn giá trị văn hóa, truyền thống, cảnh quan thiên nhiên và môi trường phục vụ nhu cầu phát triển du lịch bền vững.

Tuyên truyền nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của hoạt động phát triển du lịch đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhằm tạo sự đồng thuận trong việc triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của nghị quyết. Tăng cường quảng bá cảnh quan, địa chỉ, điểm hấp dẫn về sản phẩm du lịch của tỉnh.

c) Tập trung củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, phát triển nguồn nhân lực làm du lịch

Triển khai, thực hiện các đề án, quy hoạch, kế hoạch về phát triển du lịch đã được phê duyệt bảo đảm chặt chẽ, nhất quán và hiệu quả thông qua hoạt động khai thác nguồn tài nguyên du lịch và nguồn vốn đầu tư phát triển du lịch.

Chú trọng bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý nhà nước về du lịch; kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác tham mưu về quản lý, phát triển du lịch, tuyển chọn, bố trí, sắp xếp cán bộ làm du

lịch các cấp; đổi mới phương thức hoạt động, thực hiện cải cách hành chính và tăng cường quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng, kiến trúc, môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo đảm an ninh trật tự, an toàn cho khách du lịch tại các khu, điểm du lịch...

Thực hiện tốt công tác phân công, phân cấp rõ ràng, hướng dẫn kiểm tra, giám sát hoạt động của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch theo đúng quy định của pháp luật, tạo động lực để phát triển du lịch bền vững. Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn thực hiện đúng các quy định của Nhà nước trong hoạt động kinh doanh lưu trú du lịch, lữ hành, quảng cáo bảo đảm chất lượng phục vụ du khách.

Xây dựng quy chế quản lý phù hợp đối với các khu, tuyến, điểm du lịch đã được công nhận; xây dựng cam kết về quản lý liên ngành tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch.

d) Xây dựng các cơ chế, chính sách, thu hút đầu tư phát triển du lịch

Nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách, tạo môi trường thông thoáng để thu hút đầu tư phát triển du lịch; lựa chọn để tập trung đầu tư, từng bước hình thành một số khu, điểm, cơ sở du lịch chất lượng cao, có tính đột phá để thu hút du khách trong nước và quốc tế.

Nghiên cứu xây dựng chính sách đầu tư phát triển sản phẩm du lịch; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển du lịch nhằm đa dạng hóa sản phẩm du lịch và dịch vụ du lịch đủ khả năng cạnh tranh trên thị trường.

đ) Huy động nguồn lực thực hiện phát triển du lịch

Tăng cường đầu tư kinh phí từ ngân sách Nhà nước kết hợp với huy động các nguồn vốn nhất là kinh phí từ ngoài ngân sách, trong đó:

Nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước: Tập trung đầu tư phát triển sản phẩm du lịch; khôi phục làng nghề; xây dựng các bãi đỗ xe tại một số điểm du lịch; xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch; tuyến du lịch; đào tạo nguồn nhân lực cho người dân tại các điểm du lịch; xúc tiến, quảng bá; liên kết phát triển du lịch và đầu tư xây dựng các trạm dừng chân trên các tuyến du lịch, nhà vệ sinh công cộng tại các điểm du lịch, biển báo, biển chỉ đường, hỗ trợ trang thiết bị phục vụ du lịch cho các điểm du lịch...

Nguồn ngân sách tập trung cho quy hoạch các khu du lịch; đào tạo nghiệp vụ, kỹ năng du lịch cho cơ sở hoạt động du lịch; đầu tư cơ sở vật chất, chuyên ngành (các khách sạn, nhà hàng, điểm vui chơi giải trí, mua sắm quy mô lớn...).

Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn đầu tư của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, huy động tối đa nguồn lực của Nhân dân tham gia vào đầu tư phát triển du lịch địa phương; thực hiện lồng ghép nhiều chương trình, dự án, đề án để tăng cường nguồn lực đầu tư như: Các nguồn vốn ODA, BIDV, FDI; chương trình du lịch, các dự án phi chính phủ... để thực hiện nhiệm vụ phát triển du lịch.

Tăng cường công tác quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư.

4. Kinh phí và nguồn vốn

a) Tổng kinh phí: 1.133.271 triệu đồng, trong đó:

- Đầu tư hạ tầng phục vụ du lịch: 1.111.611 triệu đồng

- Kinh phí thực hiện Nghị quyết: 31.660 triệu đồng

b) Phân kỳ đầu tư

- Năm 2016: 15.405 triệu đồng
- Năm 2017: 189.731 triệu đồng
- Năm 2018: 324.955 triệu đồng
- Năm 2019: 303.440 triệu đồng
- Năm 2020: 299.740 triệu đồng

c) Cơ cấu nguồn vốn

- Ngân sách nhà nước: 277.671 triệu đồng
- Vốn ODA: 849.000 triệu đồng
- Vốn BIDV tài trợ: 6.000 triệu đồng
- Vốn huy động người hoạt động trong lĩnh vực du lịch đóng góp đào tạo nguồn nhân lực: 600 triệu đồng

(Có phụ biểu số 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10 kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Khóa XIV, Kỳ họp thứ tư thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2016./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Văn hóa Thể thao và Du lịch, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư Pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

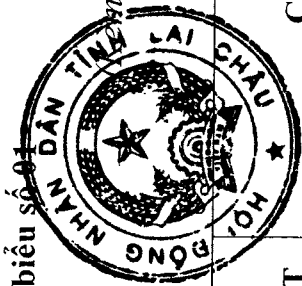
CHỦ TỊCH



Vũ Văn Hoàn



Phụ biểu số 04



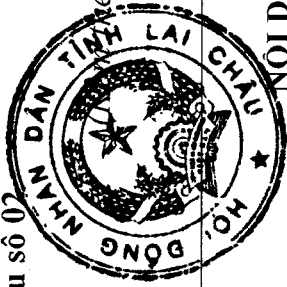
CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN DU LỊCH GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

theo Nghị quyết số 68.../2016/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phát triển giai đoạn 2016 - 2020						Mục tiêu thực hiện giai đoạn (2016-2020)
			Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	Tổng số cơ sở lưu trú du lịch	Cái	102	104	106	108	110	110	
1.1	Tổng số phòng cơ sở lưu trú du lịch	Cái	1,820	1,900	1,980	2,060	2,200	2,200	
1.1.1	Số khách sạn	Cái	17	18	19	20	21	21	
	Trong đó: khách sạn 3 sao trở lên	Cái	1	2	2	2	2	2	
1.1.2	Số phòng khách sạn	Phòng	720	790	860	930	1,060	1,060	
1.1.3	Số nhà nghỉ và các loại khác	Cái	85	86	87	88	89	89	
1.1.4	Số phòng nhà nghỉ và các loại khác	Phòng	1,100	1,110	1,120	1,130	1,140	1,140	
1.1.5	Công suất sử dụng phòng bình quân/năm	%	63	63	63	63	63	63	
2	Nhà hàng	Cơ sở	128	128	129	129	130	130	
3	Tổng lượt khách du lịch	Lượt	212,000	240,000	270,000	305,000	345,000	1.372.000	
3.1	Khách quốc tế	Lượt	22,000	24,000	27,000	30,000	35,000	138,000	
3.1.1	Ngày lưu trú/khách quốc tế	Ngày	1,5	1,6	1,6	1,7	1,8	1,64	
3.1.2	Mức chi tiêu trong ngày/ khách quốc tế	Tr.đồng	1,7	1,7	1,8	1,8	1,9	1,8	

3.2	Khách nội địa	Lượt	190,000	216,000	243,000	275,000	310,000	1.234,000
3.2.1	Ngày lưu trú/khách nội địa	Ngày	1,7	1,7	1,8	1,8	1,9	1,8
3.2.2	Mức chi tiêu trong ngày/ khách nội địa	Tr.đồng	0,85	0,85	0,85	0,87	0,87	0,86
4	Doanh thu ngành du lịch	TỶ ĐỒNG	330,7	377,4	449,6	522,5	632,1	2.312,3
4.1	Khách quốc tế	Tỷ đồng	56,1	65,3	77,8	91,8	119,7	410,7
4.2	Khách nội địa	Tỷ đồng	274,6	312,1	371,8	430,7	512,4	1.901,6
5	Tổng số lao động ngành du lịch	Người	4,700	4,900	5,100	5,300	5,500	5,500
5.1	Lao động trực tiếp	Người	800	850	900	1,200	1,500	1,500
5.2	Lao động gián tiếp	Người	3,900	4,050	4,200	4,100	4,000	4,000
6	Số điểm du lịch được công nhận	Điểm	4		1		1	6
7	Tuyến du lịch được công nhận	Tuyến		1	1	1		3
8	Doanh nghiệp kinh doanh lữ hành	Đơn vị	1	2	1	1	1	6

Phụ biểu số 02



NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG DU LỊCH
theo Nghị quyết số. 68.../2016/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Tổng số	Trong đó		Phân kỳ đầu tư giai đoạn 2016-2020						Các năm tiếp theo
			Đầu tư NSNN	Vốn khác	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
I	2	3=(4+5)	4	5	6	7	8	9	10	11	
	Tổng số	1.111.611	252.611	849.000	9.405	174.741	319.465	300.000	298.000	1.936.710	
I	Dự án chuẩn bị khởi công mới	237.290	237.290	0	0	69.825	69.465	50.000	48.000	175.000	
1	Đầu tư hạ tầng khung các điểm bán du lịch (8 bán du lịch: Sin Súi Hồ, Sĩ Thầu Chải, Vàng Pheo, Bán Hòn, Nà Nuông, Gia Khâu, San Thàng, Tả Phìn)	40.000	40.000	0	0	5.000	15.000	10.000	10.000	20.000	
2	Trạm dừng chân trên tuyến du lịch	9.000	9.000	0	0	4.000	5.000	0	0	5.000	
3	Hạ tầng du lịch khu cao nguyên Sin Hồ	58.290	58.290	0	0	13.825	14.465	15.000	15.000	30.000	
4	Hạ tầng khu du lịch văn hóa Mường So	80.000	80.000	0	0	15.000	25.000	20.000	20.000	40.000	
5	Hạ tầng du lịch suối nước nóng Phiêng Phát	20.000	20.000	0	0	2.000	10.000	5.000	3.000	10.000	
6	Dự án xây dựng Bản Văn hóa đặc trưng của dân tộc Thái trắng tại Mường So	30.000	30.000	0	0	30.000	0	0	0	70.000	
II	Dự án vay vốn ODA	849.000	0	849.000	0	99.000	250.000	250.000	250.000	0	
1	Điểm du lịch Thác Tác Tinh - bán Sĩ Thầu Chải	317.000		317.000	0	17.000	100.000	100.000	100.000	0	
2	Dự án khu cửa khẩu Ma Lù Thàng	166.000		166.000	0	16.000	50.000	50.000	50.000	0	
3	Hạ tầng du lịch điểm Sin Súi Hồ	366.000		366.000	0	66.000	100.000	100.000	100.000	0	

Phụ biểu số 03



MỤC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH GIAI ĐOẠN 2016-2020
 Nghị quyết số 68.../2016/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh

STT	Tên dự án	Quy mô		Hình thức hợp đồng đầu tư	Địa điểm (huyện/thành phố)
		Diện tích (ha)	Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)		
1	Xây dựng hạ tầng khu du lịch Pusamcap gắn với du lịch tâm linh	729	500	BBC, BOT, JV, FDI	Thành phố Lai Châu
2	Đầu tư Xây dựng và kinh doanh Khu du lịch Thác Tác Tỉnh	50	200	BBC, BOT, JV, FDI	Tam Đường
3	Dự án đầu tư xây dựng Điểm du lịch Sin Súi Hồ	100	260	BBC, BOT, JV, FDI	Phong Thổ
4	Dự án đầu tư xây dựng Khu du lịch cao nguyên Sin Hồ	500	1.000	BBC, BOT, JV, FDI	Sin Hồ
5	Khu du lịch nghỉ dưỡng suối khoáng nóng Vàng Pó gắn với cụm điểm du lịch Mường So	10	220	BBC, BOT, JV, FDI	Phong Thổ
6	Xây dựng hạ tầng khu du lịch thám hiểm huyện Tam Đường (đỉnh núi PuTaLeng, ngũ chỉ son)	10	60	BBC, BOT, JV, FDI	Tam Đường
7	Đầu tư xây dựng hạ tầng du lịch động Bán Hòn gắn với phát triển du lịch văn hoá cộng đồng	10	50	BBC, BOT, JV, FDI	Tam Đường
8	Nâng cấp cải tạo phát triển hạ tầng khu-điểm du lịch sinh thái gắn với du lịch văn hoá cộng đồng	20-50	10-200	BBC, BOT, JV, FDI	Toàn tỉnh
9	Đầu tư khu du lịch sinh thái khu vực lòng hồ công trình thủy điện lớn trên địa bàn tỉnh Lai Châu	20	30-50	BBC, BOT	Than Uyên, Tân Uyên, Mường Tè, Sin Hồ, Nậm Nhùn
10	Xây dựng khu vui chơi giải trí gắn với phát triển thương mại du lịch, dịch vụ tổng hợp	5	20-100	BBC, BOT, JV, FDI	Toàn tỉnh
11	Xây dựng và phát triển hạ tầng khu du lịch nghỉ dưỡng suối khoáng nóng	10	30	BBC, BOT, JV, FDI	Tam Đường, Phong Thổ, Tân Uyên

TỔNG HỢP NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Kèm theo Nghị quyết số **68**./2016/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Nguồn vốn			Phân kỳ đầu tư vốn giai đoạn 2016-2020 (Vốn ngân sách)					
		Tổng số	Đầu tư NS NN	Vốn khác	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
	Tổng số	31.660	25.060	6.600	6.000	14.990	5.490	3.440	1.740	
1	Phát triển dịch vụ và sản phẩm du lịch	4.650	4.650	0	0	1.700	1.650	850	450	
2	Phát triển tuyến du lịch	2.250	2.250	0	0	1.300	950			
3	Đào tạo nguồn nhân lực du lịch	1.760	1.160	600	0	590	590	290	290	
4	Xúc tiến quảng bá du lịch	15.600	15.600	0	0	10.900	2.000	2.000	700	
5	Liên kết phát triển du lịch	1.400	1.400	0	0	500	300	300	300	
6	Quy hoạch các khu du lịch (Vốn do BIDV tài trợ)	6.000		6.000	6.000					

Phụ biểu số 68



PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ, SẢN PHẨM DU LỊCH GIAI ĐOẠN 2016-2020

theo Nghị quyết số 68.../2016/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Nguồn vốn			Phân kỳ đầu tư vốn giai đoạn 2016-2020				
		Tổng số	Đầu tư NSNN	Vốn khác	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
	Tổng số	4.650	4.650	0	0	1.700	1.650	850	450
1	Hỗ trợ phục dựng văn nghệ dân gian, ẩm thực truyền thống phục vụ khách du lịch (Thái, Mông, Lự...)	1.400	1.400	0	0	500	500	300	100
2	Hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh công cộng theo tiêu chuẩn của Tổng cục Du lịch tại 8 bản đã được công nhận là điểm du lịch	1.500	1.500	0	0	500	500	300	200
3	Hỗ trợ xây dựng quy trình mẫu về làm nghề truyền thống (Dệt, Làm bánh, làm miến dong, Rèn, trạm khắc bạc...) để phục vụ khách du lịch tham quan	350	350	0	0	0	250	50	50
4	Phát triển sản phẩm du lịch sinh thái gắn với nông nghiệp (Hỗ trợ xây dựng sản vật nông sản làm quà tặng lưu niệm cho khách du lịch...)	900	900	0	0	500	200	100	100
5	Hỗ trợ cung cấp thông tin điểm du lịch, phủ sóng 3G, Wifi tại các điểm du lịch	500	500	0	0	200	200	100	0

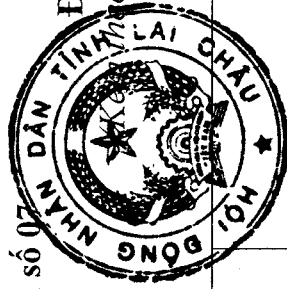
PHÁT TRIỂN TUYẾN DU LỊCH GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Nghị quyết số 68.../2016/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT. Triệu đồng

STT	Nội dung	Nguồn vốn			Phân kỳ đầu tư vốn giai đoạn 2016-2020				
		Tổng số	Đầu tư NSNN	Vốn khác	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
	Tổng số	2.250	2.250	0	0	1.300	950	0	0
I	Tuyên Nội tỉnh: (Tổ chức khảo sát, thu thập thông tin, hội thảo lấy ý kiến, xây dựng báo cáo thuyết minh, lập hồ sơ trình UBND tỉnh công nhận)	350	350	0	0	200	150	0	0
II	Tuyên Liên tỉnh: (Tổ chức khảo sát, thu thập thông tin, hội thảo lấy ý kiến, xây dựng báo cáo thuyết minh)	600	600	0	0	300	300	0	0
III	Tuyên Quốc tế: (Tổ chức khảo sát, thu thập thông tin, hội thảo lấy ý kiến, xây dựng báo cáo thuyết minh, lập hồ sơ trình (Bộ VH-TTDL công nhận)	1.300	1.300	0	0	800	500	0	0

Phụ biểu số 07



ĐÀO TẠO PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC DU LỊCH GIAI ĐOẠN 2016-2020
 Nghị quyết số...68../2016/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

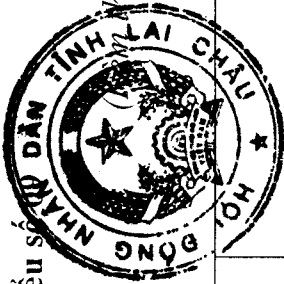
STT	Nội dung	Nguồn vốn			Phân kỳ đầu tư vốn giai đoạn 2016-2020					
		Tổng số	Đầu tư NSNN	Vốn khác (Xã hội hóa)	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
	Tổng số	1.760	1.160	600	0	590	590	290	290	
1	Đào tạo tập huấn kỹ năng nghiệp vụ du lịch tại các huyện, thành phố (cấp huyện)	360	360		0	90	90	90	90	
2	Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về hoạt động du lịch cộng đồng cho người dân tại điểm Du lịch	400	400		0	100	100	100	100	
3	Đào tạo tập huấn chuyên môn cho cán bộ quản lý nhà nước về du lịch	400	400		0	100	100	100	100	
4	Đào tạo nghiệp vụ, kỹ năng du lịch cho các cơ sở hoạt động du lịch	600		600	0	300	300	0	0	

XÚC TIẾN QUẢNG BÁ PHÁT TRIỂN DU LỊCH GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Kèm theo Nghị quyết số. **68**.../2016/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Nguồn vốn			Phân kỳ đầu tư vốn giai đoạn 2016-2020				
		Tổng số	Đầu tư NS NN	Vốn khác	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
	Tổng số	15.600	15.600	0	0	10.900	2.000	2.000	700
1	Tổ chức sự kiện du lịch: (năm du lịch quốc gia 2017-Lào Cai - Tây Bắc)	9.600	9.600	0	0	9.600	0	0	0
2	Tham gia sự kiện du lịch (chuyên đề thường niên)	1.800	1.800	0	0	300	500	500	500
3	Nâng cấp Website du lịch Lai Châu, in bản đồ du lịch, sách ảnh, ấn phẩm, đĩa DVD, đặt các Bốt thông tin du lịch tự động	2.200	2.200	0	0	1.000	500	500	200
4	Xây dựng phim quảng bá du lịch Lai Châu chuẩn công nghệ 4K (Thời lượng: 30 giây, 03 phút, 05 phút, 30 phút) để quảng bá du lịch trên truyền hình, website	2.000	2.000	0	0	0	1.000	1.000	0

Phụ biểu số



LIÊN KẾT PHÁT TRIỂN DU LỊCH GIAI ĐOẠN 2016-2020

theo Nghị quyết số **68**.../2016/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Nguồn vốn			Phân kỳ đầu tư vốn giai đoạn 2016-2020				
		Tổng số	Đầu tư NS NN	Vốn khác	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
	Tổng số	1.400	1.400	0	0	500	300	300	300
1	Chi các hoạt động thường niên	1.400	1.400	0	0	500	300	300	300

QUY HOẠCH CÁC KHU DU LỊCH GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Nghị quyết số **68**./2016/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Nguồn vốn			Phân kỳ đầu tư vốn giai đoạn 2016-2020				
		Tổng số	Đầu tư NS NN	Vốn khác	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
	Tổng số	6.000		6.000	6.000				
1	Quy hoạch các khu du lịch (Vốn do BIDV tài trợ)	6.00		6.000	6.000				